

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1701 /2025/PIV-CBTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CÔNG TY CỔ PHẦN PIV thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần PIV

- Mã chứng khoán: PIV
- Địa chỉ: Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu tập thể xí nghiệp máy bay A76, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02437957605/ 0917957605
- Email: PIVcongy@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4 năm 2024

 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc); BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con); BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /01/2025 tại đường dẫn: <http://www.piv.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

## Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 4 năm 2024
- Văn bản giải trình đính kèm BCTC Quý 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Sáng

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Địa chỉ: Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, Phường  
Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

MST: **0102636059**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 31/12/2024)

Năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>               | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ        | 1-2                 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 3-4                 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 6                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 7-19                |

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                      |                    |                              |
|----------------------|--------------------|------------------------------|
| Ông VŨ MẠNH HÙNG     | Chủ tịch           |                              |
| Ông NGUYỄN HỮU SÁNG  | Thành viên         | (Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)   |
| Ông NGÔ LÊ BẢO LONG  | Thành viên độc lập |                              |
| Ông LÊ HOÀNG LONG    | Thành viên         | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |
| Ông ĐÀM HOÀNG ANH    | Thành viên         | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |
| Bà NGUYỄN LAN PHƯƠNG | Thành viên         | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |

#### **Ban Giám đốc**

|                     |               |                              |
|---------------------|---------------|------------------------------|
| Ông NGUYỄN HỮU SÁNG | Tổng Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)   |
| Ông LÊ HOÀNG LONG   | Tổng Giám đốc | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |

#### **Kế toán trưởng**

|                  |                |                              |
|------------------|----------------|------------------------------|
| Bà HOÀNG LAN ANH | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm ngày 21/05/2024)   |
| Bà PHẠM CẨM NGÂN | Kế toán trưởng | (Miễn nhiệm ngày 21/05/2024) |

#### **Ban Kiểm soát**

|                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| Bà NGUYỄN THỊ MƯỜI  | Trưởng ban | (Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)   |
| Ông PHẠM ĐỨC THỊNH  | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)   |
| Ông DƯƠNG ĐỨC DŨNG  | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)   |
| Ông PHAN ĐÌNH HIỆU  | Trưởng ban | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |
| Bà NGUYỄN THU HƯỜNG | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |
| Bà LƯƠNG THU TRANG  | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 07/05/2024) |

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám Đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Hội đồng quản trị./.

**Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Hữu Sáng**

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu<br>TÀI SẢN                          | MS         | TM         | 31/12/2024             | 01/01/2024           |
|--|------------|------------|------------------------|----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |            | <b>12.069.951.247</b>  | <b>2.635.554.302</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4.1</b> | <b>471.426.133</b>     | <b>1.728.229.189</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |            | 471.426.133            | 1.728.229.189        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |            | -                      | -                    |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |            | <b>633.267.344</b>     | <b>585.982.299</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        |            | -                      | -                    |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 4.2        | 566.449.160            | 579.164.115          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        |            | 66.818.184             | 6.818.184            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        |            | -                      | -                    |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> |            | <b>43.005.009</b>      | <b>-</b>             |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        | 4.3        | 43.005.009             | -                    |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |            | -                      | -                    |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |            | <b>10.922.252.761</b>  | <b>321.342.814</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |            | 26.498.030             | 36.690.000           |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |            | 10.895.754.731         | 284.652.814          |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                     | 155        |            | -                      | -                    |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |            | <b>106.843.753.865</b> | <b>494.409.093</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |            | <b>75.000.000</b>      | <b>135.000.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        |            | 75.000.000             | 135.000.000          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> | <b>4.4</b> | <b>128.956.819</b>     | <b>167.040.451</b>   |
| <b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>           | <b>221</b> |            | <b>23.931.826</b>      | <b>31.295.458</b>    |
| - Nguyên giá                                 | 222        |            | 36.818.182             | 36.818.182           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |            | (12.886.356)           | (5.522.724)          |
| <b>2. Tài sản cố định vô hình</b>            | <b>227</b> |            | <b>105.024.993</b>     | <b>135.744.993</b>   |
| - Nguyên giá                                 | 228        |            | 153.600.000            | 153.600.000          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |            | (48.575.007)           | (17.855.007)         |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |            | <b>106.399.545.279</b> | <b>-</b>             |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 4.5        | 106.399.545.279        | -                    |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> |            | <b>-</b>               | <b>-</b>             |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh   | 252        |            | -                      | -                    |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |            | <b>240.251.767</b>     | <b>192.368.642</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        |            | 240.251.767            | 192.368.642          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |            | <b>118.913.705.112</b> | <b>3.129.963.395</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                                       | MS         | TM  | 31/12/2024               | 01/01/2024               |
|--|------------|-----|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                               |            |     |                          |                          |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |     | <b>117.146.831.702</b>   | <b>359.617.624</b>       |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |     | <b>117.146.831.702</b>   | <b>359.617.624</b>       |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 4.6 | 36.725.672.862           | 78.236.382               |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |     | -                        | -                        |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước         | 313        |     | -                        | -                        |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |     | -                        | -                        |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        |     | 120.000.000              | -                        |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 4.7 | 255.521.102              | 235.743.504              |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        |     | 80.000.000.000           | -                        |
| 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi                    | 322        |     | 45.637.738               | 45.637.738               |
| <b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> |     | <b>1.766.873.410</b>     | <b>2.770.345.771</b>     |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> |     | <b>1.766.873.410</b>     | <b>2.770.345.771</b>     |
| <b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>               | <b>411</b> |     | <b>173.249.420.000</b>   | <b>173.249.420.000</b>   |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |     | 173.249.420.000          | 173.249.420.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        |     | (261.600.000)            | (261.600.000)            |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        |     | 443.972.144              | 443.972.144              |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |     | 35.157.200               | 35.157.200               |
| <b>5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>    | <b>421</b> |     | <b>(171.700.075.934)</b> | <b>(170.696.603.573)</b> |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |     | (170.696.603.573)        | (165.128.501.333)        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |     | (1.003.472.361)          | (5.568.102.240)          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |     | <b>118.913.705.112</b>   | <b>3.129.963.395</b>     |

Người lập biểu

Hoàng Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Lan Anh

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Sáng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024*

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu  | MS        | TM  | Quý này năm nay      | Quý này năm trước    | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) |
|---|-----------|-----|----------------------|----------------------|---|---|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01        | 5.1 | 189.213.983          | 388.630.120          | 1.579.725.830                                   | 6.412.470.272                                     |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |     | -                    | -                    | -   | -   |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |     | <b>189.213.983</b>   | <b>388.630.120</b>   | <b>1.579.725.830</b>                            | <b>6.412.470.272</b>                              |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11        | 5.2 | 177.817.505          | 367.076.471          | 1.523.891.588                                   | 5.928.716.338                                     |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |     | <b>11.396.478</b>    | <b>21.553.649</b>    | <b>55.834.242</b>                               | <b>483.753.934</b>                                |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        |     | 3.531                | 3.133                | 168.005   | 381.119   |
| 7. Chi phí tài chính                                      | 24        |     | -                    | -                    | -   | 2.994.906.600                                     |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        |     | 301.857.301          | 644.618.560          | 1.026.796.864                                   | 1.654.616.463                                     |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |     | <b>(290.457.292)</b> | <b>(623.061.778)</b> | <b>(970.794.617)</b>                            | <b>(4.165.388.010)</b>                            |
| 11. Thu nhập khác   | 31        | 5.3 | 0                    | 3.141.800            | 19.086.801                                      | 184.966.152                                       |
| 12. Chi phí khác  | 32        | 5.4 | 3.495.891            | 11.000               | 51.764.545                                      | 1.587.680.382                                     |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>40</b> |     | <b>(3.495.891)</b>   | <b>3.130.800</b>     | <b>(32.677.744)</b>                             | <b>(1.402.714.230)</b>                            |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              | <b>50</b> |     | <b>(293.953.183)</b> | <b>(619.930.978)</b> | <b>(1.003.472.361)</b>                          | <b>(5.568.102.240)</b>                            |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                           | 51        |     | -                    | -                    | -   | -   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                            | 52        |     | -                    | -                    | -   | -   |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>60</b> |     | <b>(293.953.183)</b> | <b>(619.930.978)</b> | <b>(1.003.472.361)</b>                          | <b>(5.568.102.240)</b>                            |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)                           | 70        |     | (17)                 | (36)                 | (58)  | (321)   |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                        | 71        |     | (17)                 | (36)                 | (58)  | (321)   |

Người lập biểu

Hoàng Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Lan Anh





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu   | MS        | TM | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước |
|--|-----------|----|---------------------------------------|---|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                    |           |    |                                       |   |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        |    | 1.717.860.881                         | 17.989.456.621                          |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02        |    | (82.621.424.541)                      | (8.989.706.386)                         |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03        |    | (160.540.000)                         | (548.150.000)                           |
| 4. Tiền lãi vay đã trả   | 04        |    | -                                     | -                                       |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                 | 05        |    | -                                     | (4.814.547.979)                         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06        |    | 201.834.014                           | 2.651.886.166                           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                            | 07        |    | (394.701.415)                         | (4.897.200.890)                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 | <b>20</b> |    | <b>(81.256.971.061)</b>               | <b>1.391.737.532</b>                    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                       |           |    |                                       |   |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22        |    | -                                     | -                                       |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                           | 25        |    | -                                     | -                                       |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                       | 26        |    | -                                     | -                                       |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               | 27        |    | 168.005                               | 381.119                                 |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     | <b>30</b> |    | <b>168.005</b>                        | <b>381.119</b>                          |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                   |           |    |                                       |   |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33        |    | 80.000.000.000                        | -                                       |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        |    | -                                     | -                                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  | <b>40</b> |    | <b>80.000.000.000</b>                 | <b>-</b>                                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                | <b>50</b> |    | <b>(1.256.803.056)</b>                | <b>1.392.118.651</b>                    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                      | 60        |    | 1.728.229.189                         | 336.110.538                             |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>       | 61        |    | -                                     | -                                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                              | <b>70</b> |    | <b>471.426.133</b>                    | <b>1.728.229.189</b>                    |

Người lập biểu

Hoàng Lan Anh

Kế toán trưởng

Hoàng Lan Anh

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025



Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Sáng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 28 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty: Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp Máy bay A76, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh là **173.249.420.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.*), tương đương với 17.324.942 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 06 người.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Bán buôn và dịch vụ

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Vật liệu xây dựng, thang máy);
- Bán buôn tổng hợp, chi tiết: Hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, trang thiết bị trường học; - Bán buôn các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, hóa học, vật lý;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không);
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: - Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng; - Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình; - Lắp đặt thang máy; - Lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình; Lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: - Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế); - Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (Không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm); - Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); - Tư vấn đấu thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, chi tiết: Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Phá dỡ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Mua bán hóa chất công nghiệp; - Bán buôn sợi dệt, bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, nguyên liệu để tái sinh;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn chè, cà phê; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn nông, lâm, sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Tư vấn, lắp đặt các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; - Tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Đại lý du lịch;
- Chuyển phát;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng cây ăn quả; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các xe có động cơ khác)
- Sản xuất thảm, chăn, đệm;
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ô; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rau, đậu, các loại trồng hoa; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển; Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển; thủy sản nội địa;
- Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá);

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ uống; Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật; Sản xuất mô tô xe máy;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng

### 1. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

#### Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ)

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                      |        |
|----------------------|--------|
| - Thiết bị văn phòng | 05 năm |
| - Phần mềm máy tính  | 05 năm |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân Đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan,...được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

***Chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

***Lãi trên cổ phiếu***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Đơn vị tính: VNĐ****4.1. Tiền**

|                    | <u>31/12/2024</u>         | <u>01/01/2024</u>           |
|--------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt           | 462.558.127               | 15.589.871                  |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.868.006                 | 1.712.639.318               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>471.426.133</u></b> | <b><u>1.728.229.189</u></b> |

**4.2. Trả trước cho người bán**

|  | <u>31/12/2024</u>  | <u>01/01/2024</u>  |
|--|--------------------|--------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                  |                    |                    |
| <b>Trả trước cho các bên khác</b>                | <b>64.800.000</b>  | <b>86.964.955</b>  |
| Công ty Dịch vụ Tư vấn TCKT & Kiểm toán Phía Nam | 64.800.000         | 60.000.000         |
| Các bên khác                                     | -                  | 26.964.955         |
| <b>Trả trước cho các bên liên quan</b>           | <b>492.199.160</b> | <b>492.199.160</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

|  |                    |                    |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Phát triển TM và DV Hải Kim | 492.199.160        | 492.199.160        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>566.449.160</b> | <b>579.164.115</b> |

**4.3. Hàng tồn kho**

|                       | 31/12/2024        | 01/01/2024 |
|-----------------------|-------------------|------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | -                 | -          |
| Hàng hóa              | 43.005.009        | -          |
| <b>Cộng</b>           | <b>43.005.009</b> | <b>-</b>   |

**4.4. Tài sản cố định****4.4.1. Tài sản cố định hữu hình**

| Chỉ tiêu               | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện vận<br>tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tổng cộng  |
|------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                        |                                   |                              |            |
| Số đầu năm             | -                      | -                                 | 36.818.182                   | 36.818.182 |
| Mua trong kỳ           | -                      | -                                 | -                            | -          |
| Số cuối kỳ             | -                      | -                                 | 36.818.182                   | 36.818.182 |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                        |                                   |                              |            |
| Số đầu năm             | -                      | -                                 | 5.522.724                    | 5.522.724  |
| Khấu hao trong kỳ      | -                      | -                                 | 7.363.632                    | 7.363.632  |
| Số cuối kỳ             | -                      | -                                 | 12.886.356                   | 12.886.356 |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                                   |                              |            |
| Tại ngày đầu năm       | -                      | -                                 | 31.295.458                   | 31.295.458 |
| Tại ngày cuối kỳ       | -                      | -                                 | 23.931.826                   | 23.931.826 |

**4.4.2. Tài sản cố định vô hình**

| Chỉ tiêu               | Chứng nhận<br>ISO | Quyền sử dụng<br>đất | Phần mềm quản<br>lý | Tổng cộng   |
|------------------------|-------------------|----------------------|---------------------|-------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                   |                      |                     |             |
| Số đầu năm             | -                 | -                    | 153.600.000         | 153.600.000 |
| Mua trong kỳ           | -                 | -                    | -                   | -           |
| Số cuối kỳ             | -                 | -                    | 153.600.000         | 153.600.000 |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                   |                      |                     |             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

|                        |   |   |                    |                    |
|------------------------|---|---|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm             | - | - | 17.855.007         | 17.855.007         |
| Khấu hao trong kỳ      | - | - | 30.720.000         | 30.720.000         |
| Số cuối kỳ             | - | - | <b>48.575.007</b>  | <b>48.575.007</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |   |   |                    |                    |
| Tại ngày đầu năm       | - | - | 135.744.993        | 135.744.993        |
| Tại ngày cuối kỳ       | - | - | <b>105.024.993</b> | <b>105.024.993</b> |

**4.5. Tài sản dở dang dài hạn**

|  | <b>31/12/2024</b>      | <b>01/01/2024</b> |
|--|------------------------|-------------------|
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 106.399.545.279        | -                 |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>106.399.545.279</b> | <b>-</b>          |

**4.6. Phải trả người bán**

|  | <b>31/12/2024</b>     | <b>01/01/2024</b> |
|--|-----------------------|-------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                              |                       |                   |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nhật Nam | 78.236.382            | 78.236.382        |
| Công ty Cổ phần BOT cầu Thái Hà              | 36.633.436.480        | -                 |
| Các bên khác                                 | 14.000.000            | -                 |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>36.725.672.862</b> | <b>78.236.382</b> |

**4.7. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                   | <b>31/12/2024</b>  | <b>01/01/2024</b>  |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| KPCĐ                              | 42.090.810         | 42.090.810         |
| BHXH, BHYT, BHTN                  | 152.750.588        | 152.750.589        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 60.679.704         | 40.902.105         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>255.521.102</b> | <b>235.743.504</b> |

**4.8. Chi phí trả trước**

| <b>4.8.1. Ngắn hạn</b>       | <b>31/12/2024</b> | <b>01/01/2024</b> |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Chi phí trả trước ngắn hạn | 26.498.030        | 36.690.000        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>26.498.030</b> | <b>36.690.000</b> |

| <b>4.8.2. Dài hạn</b>       | <b>31/12/2024</b>  | <b>01/01/2024</b>  |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí trả trước dài hạn | 240.251.767        | 192.368.642        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>240.251.767</b> | <b>192.368.642</b> |

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                      | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Doanh thu bán hàng | 1.579.725.830                   | 6.412.470.272                   |
| <b>Cộng</b>          | <b>1.579.725.830</b>            | <b>6.412.470.272</b>            |

**5.2. Giá vốn hàng bán**

|                    | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Giá vốn hàng bán | 1.523.891.588                   | 5.928.716.338                   |
| <b>Cộng</b>        | <b>1.523.891.588</b>            | <b>5.928.716.338</b>            |

**5.3. Thu nhập khác**

|   | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Thu nhập từ hàng mẫu không thanh toán | 19.086.800                      | -                               |
| - Thu nhập thanh lý tài sản cố định     | -                               | 181.818.182                     |
| - Thu nhập khác                         | 1                               | 3.147.970                       |
| <b>Cộng</b>                             | <b>19.086.801</b>               | <b>184.966.152</b>              |

**5.4. Chi phí khác**

|  | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Các khoản lãi chậm nộp thuế GTGT, TNDN, TNCN,<br>BHXH, phạt hành chính | 17.775.579                      | 1.587.680.452                   |
| Các khoản chi phí khác   | 33.988.966                      | -                               |
| <b>Cộng</b>  | <b>51.764.545</b>               | <b>1.587.680.452</b>            |

**6. Thông tin về bên liên quan**

**6.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch này được thực hiện sau thời điểm Ông Nguyễn Hữu Sáng và bà Hoàng Lan Anh trở thành người nội bộ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Số 41 đường Phạm Tuấn Tài, Lô 40-41 Khu Tập thể Xí nghiệp  
Máy bay A76, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 31/12/2024

| Chi phí tiền lương | Chức danh      | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|--------------------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| LÊ HOÀNG LONG      | Tổng giám đốc  | -                               | 188.000.000                     |
| NGUYỄN HỮU SÁNG    | Tổng giám đốc  | 38.450.000                      | -                               |
| HOÀNG LAN ANH      | Kế toán trưởng | 22.040.000                      | -                               |
| <b>Cộng</b>        |                | <b>60.490.000</b>               | <b>188.000.000</b>              |

| Các giao dịch khác                         | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| VŨ MẠNH HÙNG                               | -                               | 1.150.000.000                   |
| <i>Công ty mượn tiền</i>                   | -                               | 1.150.000.000                   |
| <i>Công ty trả tiền</i>                    |                                 |                                 |
| NGUYỄN HỮU SÁNG                            | 12.050.000                      | -                               |
| <i>Thanh toán trước tiền đi công tác</i>   | 12.050.000                      |                                 |
| <i>Công ty trả tiền đi công tác</i>        |                                 |                                 |
| HOÀNG LAN ANH                              | 3.887.087                       | -                               |
| <i>Thanh toán trước tiền chi văn phòng</i> | 3.887.087                       |                                 |
| <i>Công ty trả tiền ứng chi văn phòng</i>  |                                 |                                 |

**6.2 Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức**

| Các bên liên quan   | Mối quan hệ                      |
|---|----------------------------------|
| Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim (*) | Đồng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty cổ phần Đầu tư Hải Kim                            | Đồng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long      | Đồng thành viên quản lý chủ chốt |

Ghi chú: (\*) Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim không còn là bên liên quan kể từ ngày 14/04/2023.

| Các giao dịch   | Từ 01/01/2024<br>đến 31/12/2024 | Từ 01/01/2023<br>đến 31/12/2023 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim (*) | -                               | 2.550.559.996                   |
| <i>Mua hàng hóa</i>                                       |                                 |                                 |
| Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim (*) | -                               | 2.869.045.000                   |
| <i>Thanh toán tiền mua hàng hóa</i>                       |                                 |                                 |
| Công ty cổ phần Đầu tư Hải Kim                            | 60.000.000                      | 120.000.000                     |
| <i>Đặt cọc thuê nhà và showroom</i>                       |                                 |                                 |
| Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long      | -                               | 150.000.000                     |
| <i>Thuê văn phòng</i>                                     |                                 |                                 |

Ghi chú: Cho đến ngày lập báo cáo này, số dư với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                  | Nội dung nghiệp vụ           | Tại ngày 31/12/2024<br>VND |
|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Công ty cổ phần Đầu tư Hải Kim | Đặt cọc thuê nhà và showroom | 60.000.000                 |

**7. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 của Công ty.

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**Người lập biểu**



**Hoàng Lan Anh**

**Kế toán trưởng**



**Hoàng Lan Anh**

**Tổng giám đốc**  
  
**Nguyễn Hữu Sáng**

